

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 04/5/2024

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
1	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	02/5/2002	Nghệ An	Kinh	5.7	9.5	866/QĐ249/2024	TH007585	
2	Nguyễn An Hà	Nữ	22/5/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	867/QĐ249/2024	TH007586	
3	Nguyễn Thị Thu Hải	Nữ	15/5/1981	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	868/QĐ249/2024	TH007587	
4	Nguyễn Thị Hải	Nữ	18/7/2002	Nghệ An	Kinh	6.7	6.5	869/QĐ249/2024	TH007588	
5	Phan Thị Hảo	Nữ	28/11/2002	Nghệ An	Kinh	5.7	8.5	870/QĐ249/2024	TH007589	
6	Vy Thị Hiền	Nữ	09/10/2001	Nghệ An	Thái	6.3	6.0	871/QĐ249/2024	TH007590	
7	Dương Sỹ Hưng	Nam	25/10/1987	Nghệ An	Kinh	6.3	5.5	872/QĐ249/2024	TH007591	
8	Ngô Thị Khuyên	Nữ	09/3/2002	Nghệ An	Kinh	6.7	8.5	873/QĐ249/2024	TH007592	
9	Hoàng Thị Loan	Nữ	01/6/2002	Nghệ An	Kinh	7.3	7.0	874/QĐ249/2024	TH007593	
10	Đinh Thị Lợi	Nữ	04/3/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	5.5	875/QĐ249/2024	TH007594	
11	Nguyễn Thị Bé Mai	Nữ	23/9/2002	Nghệ An	Kinh	5.7	8.0	876/QĐ249/2024	TH007595	
12	Chu Văn Minh	Nam	22/3/1994	Nghệ An	Kinh	6.7	6.5	877/QĐ249/2024	TH007596	
13	Trần Thị Thanh Nga	Nữ	20/11/1986	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	878/QĐ249/2024	TH007597	
14	Hàn Thị Linh Nhâm	Nữ	25/4/2001	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	879/QĐ249/2024	TH007598	
15	Lương Thị Tú Nhân	Nữ	01/10/1990	Nghệ An	Thái	6.0	6.0	880/QĐ249/2024	TH007599	
16	Nguyễn Thị Uyên Nhi	Nữ	09/9/2001	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	7.5	881/QĐ249/2024	TH007600	
17	Phạm Thị Quỳnh Phương	Nữ	12/9/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	882/QĐ249/2024	TH007601	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
18	Trần Thị Mai Phương	Nữ	37602	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	883/QĐ249/2024	TH007602	
19	Nguyễn Thị Thảo Quyên	Nữ	28/01/2002	Nghệ An	Kinh	6.7	8.0	884/QĐ249/2024	TH007603	
20	Đoàn Thị Diễm Quỳnh	Nữ	03/5/2002	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	885/QĐ249/2024	TH007604	
21	Nguyễn Thị Minh Soa	Nữ	20/8/2002	Nghệ An	Kinh	5.7	8.0	886/QĐ249/2024	TH007605	
22	Lê Thị Thắm	Nữ	08/12/2002	Nghệ An	Kinh	5.0	7.5	887/QĐ249/2024	TH007606	
23	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	21/01/2002	Nghệ An	Kinh	5.0	7.0	888/QĐ249/2024	TH007607	
24	Lê Thị Minh Thảo	Nữ	02/4/2002	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	889/QĐ249/2024	TH007608	
25	Thái Thị Thu Thảo	Nữ	21/6/2002	Nghệ An	Kinh	6.3	9.0	890/QĐ249/2024	TH007609	
26	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	19/5/2002	Nghệ An	Kinh	6.7	8.5	891/QĐ249/2024	TH007610	
27	Võ Thị Phương Thảo	Nữ	20/6/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	892/QĐ249/2024	TH007611	
28	Phạm Thị Thương Thảo	Nữ	24/3/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	8.0	893/QĐ249/2024	TH007612	
29	Nguyễn Thị Thêm	Nữ	20/01/2002	Nghệ An	Kinh	5.0	7.0	894/QĐ249/2024	TH007613	
30	Trần Thị Thêm	Nữ	16/3/2002	Nghệ An	Kinh	6.7	8.0	895/QĐ249/2024	TH007614	
31	Hồ Thị Thu	Nữ	17/6/2002	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	896/QĐ249/2024	TH007615	
32	Võ Hà Thương	Nữ	02/02/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	897/QĐ249/2024	TH007616	
33	Hoàng Thị Thủy Tiên	Nữ	16/9/1994	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	898/QĐ249/2024	TH007617	
34	Nguyễn Thị Trang	Nữ	29/7/2002	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	6.5	899/QĐ249/2024	TH007618	
35	Nguyễn Thị Trang	Nữ	19/12/2002	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	900/QĐ249/2024	TH007619	
36	Nguyễn Thị Trang	Nữ	20/01/2000	Nghệ An	Kinh	5.7	5.0	901/QĐ249/2024	TH007620	
37	Lê Minh Trinh	Nữ	11/02/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	902/QĐ249/2024	TH007621	
38	Nguyễn Thị Thanh Tú	Nữ	25/4/2002	Nghệ An	Thái	5.7	7.5	903/QĐ249/2024	TH007622	
39	Nguyễn Thị Tổ Uyên	Nữ	11/12/2002	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	7.0	904/QĐ249/2024	TH007623	
40	Phạm Bình An	Nam	24/8/2002	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	905/QĐ249/2024	TH007624	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
41	Hoàng Văn Anh	Nữ	31/10/2002	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	906/QĐ249/2024	TH007625	
42	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	18/9/2001	Nghệ An	Thổ	5.3	7.0	907/QĐ249/2024	TH007626	
43	Văn Thị Quỳnh Anh	Nữ	09/10/2002	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	908/QĐ249/2024	TH007627	
44	Chu Thị Hồng Bích	Nữ	20/8/2002	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	6.0	909/QĐ249/2024	TH007628	
45	Thái Thị Bình	Nữ	07/9/2002	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	910/QĐ249/2024	TH007629	
46	Hồ Ngọc Khánh Chi	Nữ	21/9/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	911/QĐ249/2024	TH007630	
47	Nguyễn Văn Đức	Nam	18/01/2002	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	7.0	912/QĐ249/2024	TH007631	
48	Đinh Thị Thùy Dung	Nữ	06/6/2002	Nghệ An	Kinh	5.3	7.5	913/QĐ249/2024	TH007632	
49	Nguyễn Hương Giang	Nữ	17/11/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	914/QĐ249/2024	TH007633	
50	Hoàng Thị Giang	Nữ	01/11/2002	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	915/QĐ249/2024	TH007634	
51	Phạm Nguyễn Thu Hà	Nữ	03/4/2002	Nghệ An	Thổ	6.3	9.0	916/QĐ249/2024	TH007635	
52	Hồ Thị Hà	Nữ	25/11/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	917/QĐ249/2024	TH007636	
53	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	14/4/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	9.0	918/QĐ249/2024	TH007637	
54	Nguyễn Thị Hải	Nữ	07/6/2002	Nghệ An	Kinh	5.3	9.5	919/QĐ249/2024	TH007638	
55	Lê Thị Hoài	Nữ	05/11/2002	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	8.5	920/QĐ249/2024	TH007639	
56	Lê Thị Huyền	Nữ	26/11/2001	Nghệ An	Kinh	5.3	8.0	921/QĐ249/2024	TH007640	
57	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	01/3/2002	Nghệ An	Kinh	7.0	9.5	922/QĐ249/2024	TH007641	
58	Đinh Thị Ngọc Linh	Nữ	14/8/2002	Nghệ An	Kinh	8.0	9.0	923/QĐ249/2024	TH007642	
59	Trương Thị Mai	Nữ	16/3/2002	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	924/QĐ249/2024	TH007643	
60	Trần Văn Mạnh	Nam	18/7/1985	Nghệ An	Kinh	6.3	7.5	925/QĐ249/2024	TH007644	
61	Dương Thị Nga	Nữ	21/01/2002	Hà Tĩnh	Kinh	5.0	8.5	926/QĐ249/2024	TH007645	
62	Lê Thị Nhung	Nữ	07/01/2002	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	7.0	927/QĐ249/2024	TH007646	
63	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	06/4/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	9.0	928/QĐ249/2024	TH007647	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
64	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	21/02/2002	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	7.0	929/QĐ249/2024	TH007648	
65	Trịnh Thị Hồng Quyên	Nữ	23/01/1993	Hà Tĩnh	Kinh	5.0	7.0	930/QĐ249/2024	TH007649	
66	Hồ Thị Như Quỳnh	Nữ	27/12/2002	Nghệ An	Kinh	5.7	9.0	931/QĐ249/2024	TH007650	
67	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	Nữ	14/9/2002	Hà Tĩnh	Kinh	7.0	8.5	932/QĐ249/2024	TH007651	
68	Nguyễn Thị Xuân Sang	Nữ	23/4/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	933/QĐ249/2024	TH007652	
69	Nguyễn Thị Bích Thảo	Nữ	22/02/2002	Nghệ An	Kinh	7.3	7.5	934/QĐ249/2024	TH007653	
70	Hồ Thị Thảo	Nữ	09/01/2002	Nghệ An	Kinh	5.0	8.5	935/QĐ249/2024	TH007654	
71	Đặng Thị Thu	Nữ	02/10/2002	Nghệ An	Kinh	7.3	7.5	936/QĐ249/2024	TH007655	
72	Trần Thị Thùy	Nữ	26/4/2002	Nghệ An	Kinh	5.3	7.5	937/QĐ249/2024	TH007656	
73	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	12/4/2002	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	7.0	938/QĐ249/2024	TH007657	
74	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	23/4/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	8.5	939/QĐ249/2024	TH007658	
75	Lê Thị Trúc	Nữ	24/7/2002	Nghệ An	Kinh	5.7	7.5	940/QĐ249/2024	TH007659	
76	Nguyễn Thị Uyên	Nữ	25/9/2002	Nghệ An	Kinh	6.7	7.0	941/QĐ249/2024	TH007660	
77	Trần Tổ Uyên	Nữ	13/5/2001	Nghệ An	Kinh	5.0	6.0	942/QĐ249/2024	TH007661	
78	Lê Thị Việt	Nữ	24/4/2002	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	7.5	943/QĐ249/2024	TH007662	
79	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Nữ	18/12/1997	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	996/QĐ249/2024	TH007715	
80	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	18/10/2002	Nghệ An	Kinh	5.7	8.0	997/QĐ249/2024	TH007716	
81	Vương Thị Hạnh	Nữ	10/05/1993	Hà Tĩnh	Kinh	5.3	5.5	998/QĐ249/2024	TH007717	
82	Bùi Thị Hiền	Nữ	26/3/2000	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	999/QĐ249/2024	TH007718	
83	Đặng Thị Lê Na	Nữ	07/3/1982	Nghệ An	Kinh	6.0	8.0	1014/QĐ249/2024	TH007733	
84	Nguyễn Trường An	Nam	02/01/2007	Bắc Giang	Kinh	6.0	6.5	944/QĐ249/2024	TH007663	
85	Đậu Thị Diệu Anh	Nữ	05/9/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	945/QĐ249/2024	TH007664	
86	Hồ Thị Vân Anh	Nữ	12/4/2007	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	946/QĐ249/2024	TH007665	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
87	Lê Quốc Anh	Nam	02/9/2007	Nghệ An	Kinh	5.3	7.5	947/QĐ249/2024	TH007666	
88	Trần Tuấn Anh	Nam	22/01/2007	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	948/QĐ249/2024	TH007667	
89	Lê Bá Ánh	Nam	12/8/2007	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	949/QĐ249/2024	TH007668	
90	Lê Bá Dai	Nam	14/10/2007	Nghệ An	Kinh	5.3	7.5	950/QĐ249/2024	TH007669	
91	Nguyễn Phúc Dũng	Nam	06/6/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	951/QĐ249/2024	TH007670	
92	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	14/11/2007	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	952/QĐ249/2024	TH007671	
93	Phạm Đại Dương	Nam	13/8/2007	Nghệ An	Kinh	5.3	5.0	953/QĐ249/2024	TH007672	
94	Trần Văn Dương	Nam	28/6/2007	Nghệ An	Kinh	5.3	9.0	954/QĐ249/2024	TH007673	
95	Nguyễn Thành Đạt	Nam	02/01/2007	Nghệ An	Kinh	6.3	5.0	955/QĐ249/2024	TH007674	
96	Nguyễn Trường Giang	Nam	01/8/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	956/QĐ249/2024	TH007675	
97	Võ Mạnh Hà	Nam	24/8/2007	Nghệ An	Kinh	5.3	5.0	957/QĐ249/2024	TH007676	
98	Lê Thị Hằng	Nữ	03/12/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	5.0	958/QĐ249/2024	TH007677	
99	Nguyễn Mai Hiền	Nữ	28/5/2007	Nghệ An	Kinh	5.0	5.0	959/QĐ249/2024	TH007678	
100	Lê Đức Hiếu	Nam	01/10/2007	Nghệ An	Kinh	5.7	5.0	960/QĐ249/2024	TH007679	
101	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	21/9/2007	Nghệ An	Kinh	5.0	6.0	961/QĐ249/2024	TH007680	
102	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	09/7/2007	Nghệ An	Kinh	5.7	7.5	962/QĐ249/2024	TH007681	
103	Quang Thị Vân Kiều	Nữ	26/6/2007	Nghệ An	Thái	5.0	5.0	963/QĐ249/2024	TH007682	
104	Trương Thành Long	Nam	21/08/2007	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	964/QĐ249/2024	TH007683	
105	Hồ Năng Lóc	Nam	04/7/2007	Nghệ An	Kinh	5.3	5.0	965/QĐ249/2024	TH007684	
106	Lương Thị Đor Mi	Nữ	10/4/2007	Nghệ An	Thái	6.0	6.0	966/QĐ249/2024	TH007685	
107	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	23/10/2007	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	967/QĐ249/2024	TH007686	
108	Phan Khánh Trà My	Nữ	13/3/2007	Nghệ An	Thái	5.7	5.0	968/QĐ249/2024	TH007687	
109	Phạm Thị Hồng Ngọc	Nữ	06/01/2007	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	969/QĐ249/2024	TH007688	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
110	Lê Bá Nguyễn	Nam	18/12/2007	Nghệ An	Kinh	5.7	5.0	970/QĐ249/2024	TH007689	
111	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	Nữ	08/11/2007	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	971/QĐ249/2024	TH007690	
112	Trương Hoàng Yến Nhi	Nữ	08/02/2007	Nghệ An	Kinh	5.3	5.0	972/QĐ249/2024	TH007691	
113	Vi Thị Nhi	Nữ	07/11/2007	Nghệ An	Thái	5.3	5.0	973/QĐ249/2024	TH007692	
114	Hồ Tố Như	Nữ	07/01/2007	Nghệ An	Kinh	6.0	5.0	974/QĐ249/2024	TH007693	
115	Lê Trần Kiều Oanh	Nữ	05/02/2007	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	975/QĐ249/2024	TH007694	
116	Nguyễn Bá Quang	Nam	22/9/2007	Nghệ An	Kinh	5.3	8.0	976/QĐ249/2024	TH007695	
117	Lê Bá Minh Quân	Nam	04/4/2007	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	977/QĐ249/2024	TH007696	
118	Trần Anh Quân	Nam	05/9/2007	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	978/QĐ249/2024	TH007697	
119	Trần Thị Lệ Quyên	Nữ	02/02/2007	Nghệ An	Kinh	5.3	8.5	979/QĐ249/2024	TH007698	
120	Đặng Trọng Sơn	Nam	02/3/2007	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	980/QĐ249/2024	TH007699	
121	Đặng Thị Minh Tâm	Nam	12/11/2007	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	981/QĐ249/2024	TH007700	
122	Trương Xuân Thành	Nam	13/11/2007	Nghệ An	Kinh	5.0	5.5	982/QĐ249/2024	TH007701	
123	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	31/8/2007	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	983/QĐ249/2024	TH007702	
124	Nguyễn Thị Thơm	Nữ	15/4/2007	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	984/QĐ249/2024	TH007703	
125	Trần Đình Thúc	Nam	23/4/2007	Nghệ An	Kinh	5.0	5.0	985/QĐ249/2024	TH007704	
126	Lô Thị Mai Trang	Nữ	02/9/2007	Nghệ An	Thái	5.0	6.0	986/QĐ249/2024	TH007705	
127	Nguyễn Tuấn Tú	Nam	12/11/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.0	987/QĐ249/2024	TH007706	
128	Lê Huy Tuấn	Nam	30/7/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	5.5	988/QĐ249/2024	TH007707	
129	Lê Đức Anh	Nam	02/9/2007	Nghệ An	Kinh	5.0	6.0	989/QĐ249/2024	TH007708	
130	Trần Tuấn Anh	Nam	02/6/2007	Nghệ An	Kinh	6.0	5.0	990/QĐ249/2024	TH007709	
131	Nguyễn Văn Đạt	Nam	09/6/2007	Nghệ An	Kinh	5.0	5.5	991/QĐ249/2024	TH007710	
132	Phạm Văn Hùng Đạt	Nam	25/4/2007	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	992/QĐ249/2024	TH007711	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
133	Phan Công Đạt	Nam	05/4/2007	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	993/QĐ249/2024	TH007712	
134	Trương Xuân Đồng	Nam	19/3/2007	Nghệ An	Kinh	5.0	6.0	994/QĐ249/2024	TH007713	
135	Lê Bá Duẩn	Nữ	28/7/2007	Nghệ An	Kinh	5.0	5.0	995/QĐ249/2024	TH007714	
136	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	08/11/2007	Nghệ An	Kinh	5.0	5.5	1000/QĐ249/2024	TH007719	
137	Trần Nguyên Hiền	Nam	28/02/2007	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	1001/QĐ249/2024	TH007720	
138	Nguyễn Công Hiếu	Nam	29/10/2007	Nghệ An	Kinh	5.7	5.0	1002/QĐ249/2024	TH007721	
139	Vương Văn Hiếu	Nam	11/01/2007	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	1003/QĐ249/2024	TH007722	
140	Hứa Hữu Hoàng	Nam	06/10/2007	Nghệ An	Kinh	7.0	5.5	1004/QĐ249/2024	TH007723	
141	Nguyễn Quốc Hường	Nam	01/11/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	1005/QĐ249/2024	TH007724	
142	Sầm Thị Hường	Nữ	19/5/2007	Nghệ An	Kinh	6.0	5.5	1006/QĐ249/2024	TH007725	
143	Nguyễn Văn Huy	Nam	29/6/2007	Nghệ An	Kinh	5.7	5.0	1007/QĐ249/2024	TH007726	
144	Trần Thị Khánh Huyền	Nữ	14/4/2007	Nghệ An	Kinh	5.0	5.5	1008/QĐ249/2024	TH007727	
145	Trần Thị Thu Huyền	Nữ	15/02/2007	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	1009/QĐ249/2024	TH007728	
146	Đậu Đình Anh Khoa	Nam	01/01/2007	Nghệ An	Kinh	5.0	6.0	1010/QĐ249/2024	TH007729	
147	Nguyễn Thiên Lộc	Nam	13/7/2007	Nghệ An	Kinh	5.0	5.5	1011/QĐ249/2024	TH007730	
148	Trương Văn Lượng	Nam	01/01/2007	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	1012/QĐ249/2024	TH007731	
149	Trần Đình Luyến	Nam	18/12/2007	Nghệ An	Kinh	5.0	5.5	1013/QĐ249/2024	TH007732	
150	Nguyễn Viết Khôi Nguyên	Nam	15/11/2007	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	1015/QĐ249/2024	TH007734	
151	Uông Nhật Nguyên	Nam	03/7/2007	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	1016/QĐ249/2024	TH007735	
152	Cao Thị Hoài Như	Nữ	02/6/2006	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	1017/QĐ249/2024	TH007736	
153	Nguyễn Đại Phong	Nam	01/6/2007	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	1018/QĐ249/2024	TH007737	
154	Nguyễn Anh Quân	Nam	07/11/2007	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	1019/QĐ249/2024	TH007738	
155	Phạm Thuý Quỳnh	Nữ	05/02/2007	Nghệ An	Kinh	5.0	6.0	1020/QĐ249/2024	TH007739	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
156	Trương Văn Thắng	Nam	25/11/2007	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	1021/QĐ249/2024	TH007740	
157	Hồ Văn Thành	Nam	16/9/2007	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	1022/QĐ249/2024	TH007741	
158	Trần Đình Thiện	Nam	09/8/2007	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	1023/QĐ249/2024	TH007742	
159	Trần Hoàng Thuỳ	Nam	13/02/2007	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	1024/QĐ249/2024	TH007743	
160	Nguyễn Văn Tiến	Nam	26/8/2007	Nghệ An	Kinh	5.3	5.0	1025/QĐ249/2024	TH007744	
161	Nguyễn Trọng Toàn	Nam	01/02/2007	Nghệ An	Kinh	5.7	5.0	1026/QĐ249/2024	TH007745	
162	Phùng Ngọc Bảo Trâm	Nữ	15/9/2007	Nghệ An	Kinh	5.0	6.0	1027/QĐ249/2024	TH007746	
163	Trần Thị Yến Vi	Nữ	07/6/2007	Nghệ An	Kinh	5.0	5.5	1028/QĐ249/2024	TH007747	
164	Lê Bá Quang Vinh	Nam	10/10/2007	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	1029/QĐ249/2024	TH007748	

